

Tiềm năng của REDD+ trong đóng góp tài chính cho ngành lâm nghiệp ở Việt Nam

Phạm Thu Thủy¹, Bùi Thị Minh Nguyệt², Phạm Hồng Lượng³, Nguyễn Văn Điển³, Đào Thị Linh Chi¹ và Hoàng Tuấn Long¹

Thông điệp chính:

- REDD+ có tiềm năng lớn trong việc tạo lập và đóng góp tài chính để hỗ trợ cho ngành lâm nghiệp ở Việt Nam. Tuy nhiên, việc giảm cả nguồn vốn và sự cam kết tài trợ cho REDD+, thách thức trong việc đáp ứng các yêu cầu của nhà tài trợ, khó khăn để đảm bảo yêu cầu về nguồn tài chính cần có giúp thực hiện chương trình REDD+ quốc gia cho thấy tiềm để REDD+ trở thành nguồn đóng góp chính cho ngành lâm nghiệp còn hạn chế.
- Chính phủ đã xác định các nguồn tài trợ cho các giai đoạn thực thi chương trình REDD+ có thể đến từ khu vực tài chính công hoặc tư nhân. Tuy nhiên trong thực tế, nguồn tài chính cho REDD+ ở Việt Nam vẫn chủ yếu đến từ các nhà tài trợ quốc tế, sự đóng góp tài chính từ ngân sách nhà nước và tư nhân vẫn còn hạn chế.
- Cho tới nay, nguồn tài chính REDD+ được sử dụng phân tán không có sự phối hợp giữa các bên bởi các vấn đề ưu tiên của REDD+ tại Việt Nam chưa được xác định rõ ràng.
- Thực hiện và nâng cao tính hiệu quả và hiệu ích các hoạt động REDD+ ở Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn bởi: dữ liệu tài chính về REDD+ tại Việt Nam còn thiếu và chưa chính xác; định nghĩa rõ ràng về tài chính cho REDD+ chưa được xác định; hệ thống giám sát tài chính REDD+ quốc gia còn thiếu; và năng lực kỹ thuật hạn chế (trong cả tổ chức chính phủ và xã hội dân sự) liên quan đến giám sát tài chính REDD+.
- Để tăng tiềm năng về đóng góp tài chính của REDD+ cho ngành lâm nghiệp ở Việt Nam, cần phải: có sự phối hợp tốt hơn giữa các ngành, giữa các nhà tài trợ và các cơ quan chính phủ; nâng cao năng lực các cơ quan chính phủ và tổ chức xã hội dân sự trong giám sát và quản lý nguồn tài chính REDD+, phát triển và thực hiện hiệu quả các chính sách và biện pháp REDD+ để chính phủ có thể tiếp cận chi trả dựa vào kết quả từ nhiều nguồn tài trợ quốc tế khác nhau.

Giới thiệu

Giảm phát thải từ phá rừng và suy thoái rừng (REDD+) tạo ra một nguồn tài chính tiềm năng để hỗ trợ các quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu. Ngành lâm nghiệp Việt Nam đã chủ động tham gia các sáng kiến REDD+ từ năm 2008. Các cơ quan chính phủ cũng như các nhà tài trợ kỳ vọng REDD+ sẽ cung cấp nguồn tài trợ tiềm năng mới cho ngành lâm nghiệp. Từ năm 2011, REDD+ cũng đã được lồng ghép vào nhiều chính sách lâm nghiệp chính ở Việt Nam như Chiến lược tăng trưởng xanh Việt Nam, Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia về bảo vệ

và phát triển rừng. Chương trình REDD+ Quốc gia đã được phê duyệt vào năm 2012 và được sửa đổi vào năm 2017 theo Quyết định số 419/QĐ-TTg. REDD+ cũng được lồng ghép với Cam kết về đóng góp tự nguyện của Việt Nam (NDC) trong giảm phát thải khí nhà kính. Văn kiện này nêu rõ đến năm 2030 Việt Nam sẽ giảm 8% lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát thải thông thường với nguồn tài chính trong nước, hoặc 25% nếu có sự hỗ trợ từ quốc tế. Mặc dù REDD+ có tiềm năng nhận được hỗ trợ tài chính từ cả trong và ngoài nước, cho đến nay, số liệu, tổng kết và phân tích chính xác liên quan đến tài chính REDD+ hoặc chưa có hoặc rất khó tiếp cận (Pistorius 2015).

Báo cáo tóm tắt này nhằm bổ sung thông tin tổng quan về các nguồn tài chính REDD+ tại Việt Nam, xác định tiềm năng cho nguồn tài chính REDD+ và phương thức sử dụng nguồn tài trợ REDD+, đồng thời chỉ ra sự không đồng

1 Tổ chức nghiên cứu lâm nghiệp quốc tế (CIFOR)

2 Trường Đại học lâm nghiệp Việt Nam (VNUF)

3 Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn (MARD)

nhất của dữ liệu tài chính REDD+. Điều này sẽ giúp các bên liên quan (i) hiểu rõ hơn phạm vi (mức độ) REDD+ đã đóng góp và có thể đóng góp gì cho tài chính của ngành lâm nghiệp Việt Nam; đồng thời (ii) giúp cả các nhà tài trợ cũng như chính phủ xác định được các thiếu hụt hiện có và định hướng sự đầu tư vào REDD+ theo các cơ chế hiệu quả nhất. Bản tóm tắt này được tổng hợp dựa trên các dữ liệu thống kê, báo cáo quốc tế và quốc gia, cũng như phỏng vấn sâu với các nhà hoạch định chính sách của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT - MARD) tại Việt Nam.

Tiềm năng của REDD+ trong việc đóng góp tài chính ngành lâm nghiệp Việt Nam

REDD+ là một trong những hoạt động chính của quản lý rừng bền vững trong Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam và cho thấy tiềm năng rất lớn trong việc đóng góp vào các mục tiêu của Chiến lược, như minh chứng tại Bảng 1. Theo UN-REDD (2010), doanh thu hàng năm từ REDD+ có tiềm năng đạt 80-100 triệu USD, gấp ba đến bốn lần nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) hiện có cho ngành lâm nghiệp. Trước năm 2014, thách thức về tài chính REDD+ ở Việt Nam không phải là huy động đủ nguồn vốn cam kết tài trợ cho REDD+, mà là cách tiếp cận và giải ngân những nguồn vốn đó. Tỷ lệ giải ngân cho cả tài trợ REDD+ quốc tế và quốc gia còn thấp (30% cho nguồn tài trợ REDD+ quốc tế và 13% cho kinh phí của chính phủ) (Silva-Chávez và các cộng sự. 2015; Le và các cộng sự. 2015). Đến năm 2014, trong số 44 dự án REDD+ tại Việt Nam, 24 dự án đã hoàn thành (với tổng số vốn cam kết 18.65 triệu USD) và 20 dự án

đang được triển khai (với tổng số vốn 65.66 triệu USD). Sau năm 2014, huy động nguồn vốn cho REDD+ trở thành thách thức do sự phát triển chưa đầy đủ của thị trường các-bon, sự thiếu cam kết quốc tế để thực hiện REDD+, và Việt Nam đang trở thành nước có thu nhập trung bình dẫn đến giảm đáng kể nguồn vốn ODA.

Theo Bộ NN&PTNT (2017), việc huy động tài chính REDD+ sau năm 2018 sẽ tiếp tục là một thách thức. Điều này là do yêu cầu quốc tế ngày càng tăng đối với các nước nhận tài trợ, trong khi thiếu nguồn nhân lực và chuyên môn về REDD+, các doanh nghiệp tư nhân và các tổ chức kinh tế khác tham gia còn hạn chế trong hoạt động của REDD+. Tương tự như vậy, thị trường tín chỉ các-bon ở Việt Nam vẫn chưa được hình thành và thị trường toàn cầu biến động nhanh, trong khi các nguồn tài chính khác (thuế các-bon, tín chỉ xanh, trái phiếu xanh và quỹ đầu tư xanh) vẫn chưa được thiết lập. Hầu hết các tỉnh không tham gia thực hiện REDD+ do không có ngân sách để hỗ trợ thực hiện (Bộ NN&PTNT, 2018). Lee và Pistorius (2015) và Nguyễn (2017) cũng xác nhận rằng nguồn tài trợ REDD+ có sẵn không đủ để thúc đẩy việc thực hiện REDD+ và duy trì thực hiện mục tiêu của chính phủ trong hỗ trợ REDD+. Sự đánh giá của chính phủ rằng REDD+ có tiềm năng hạn chế để trở thành một nguồn tài chính chủ yếu cho ngành lâm nghiệp đã được phản ánh qua việc trì hoãn thành lập Quỹ REDD+ quốc gia, cũng như việc sáp nhập Văn phòng REDD+ của Việt Nam (VRO) vào Văn phòng Ban Chỉ đạo Nhà nước về Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển Rừng giai đoạn 2011-2020 tại Quyết định số 823/QĐ-BNN-TCCB. Điều này cũng phù hợp với các nghiên cứu khác như Pistorius (2015), Brockhaus và các cộng sự (2016) và Nguyễn (2017), đã chỉ ra rằng tài chính REDD+ chưa đủ để thúc đẩy sự thay đổi ở Việt Nam.

Bảng 1. Tiềm năng tài trợ REDD+ so với ngân sách chương trình quốc gia

	Số tiền	Nguồn thông tin
Yêu cầu giải ngân		
1. Ngân sách dự kiến thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020	106,759 tỷ (VND)	MARD, 2017
2. Tổng chi phí ước tính của chương trình REDD+ quốc gia (2017-2020)	10,942 tỷ VND (2,772 tỷ VND năm 2018; 2,995 tỷ VND năm 2019; và còn lại cho năm 2020).	UN-REDD, 2018 và MARD, 2018
Tiềm năng đóng góp tài chính của REDD+		
2009-2014		
Khoản tài trợ tiềm năng nếu REDD+ được thực hiện hiệu quả và đầy đủ ở Việt Nam	80-100 triệu USD mỗi năm	UN-REDD Program, 2009
Kinh phí REDD+ đã cam kết (2009-2014)	84.31 triệu USD	Silva-Chávez và đồng nghiệp. 2015; Le và đồng nghiệp. 2015
Kinh phí REDD+ đã giải ngân (2009-2014)	37.77 triệu USD	Silva-Chávez và đồng nghiệp. 2015; Le và đồng nghiệp. 2015
2015-2020		
FCPF tài trợ cho dự án giảm phát thải do mất rừng và suy thoái rừng ở vùng duyên hải Bắc Trung Bộ.	51.5 triệu USD	FCPF - REDD+ Vietnam, 2017

Các nguồn tài trợ chính cho REDD+ tại Việt Nam

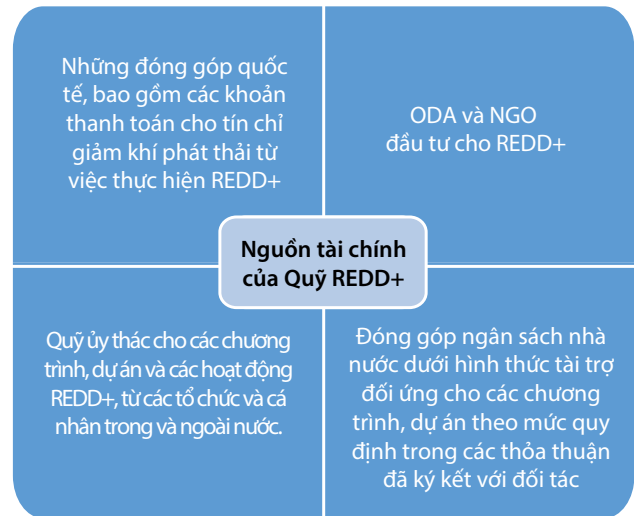
Mặc dù Bộ NN&PTNT (2017) đã xác định được nguồn kinh phí tiềm năng tài trợ cho REDD+ là ở cả khu vực công và tư ở Việt Nam, từ năm 2009 REDD+ được tài trợ chủ yếu từ các nguồn quốc tế.

Trước năm 2017

Cho đến năm 2017, REDD+ tại Việt Nam đã được tài trợ thông qua đầu tư công và tư nhân, mặc dù đầu tư tư nhân còn hạn chế. Trong năm 2016, các nguồn kinh phí chính của REDD+ là: tài trợ song phương của chính phủ, chủ yếu từ Đức, Mỹ, Nhật Bản và Na Uy (tổng cộng 38.07 triệu USD); các tổ chức đa phương, chẳng hạn như UN-REDD, Quỹ đối tác các-bon rừng (FCPF), Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF) và Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD) (tổng cộng 39.25 triệu USD); khu vực tư nhân (0.46 triệu USD) (Bộ NN&PTNT, 2016).

Theo Bộ NN&PTNT (2017), chính phủ đang đóng góp 5.6 triệu USD tài trợ công trong nước để thực hiện Chương trình REDD+ Quốc gia; dự định chi trả cho hoạt động của Văn phòng REDD+ Việt Nam, xây dựng các chính sách và chiến lược liên quan, nghiên cứu khoa học và thí điểm phương pháp cho một hệ thống giám sát rừng quốc gia. Tuy nhiên, đây là một con số ước tính có thể chưa bao gồm tất cả các khoản ngân sách nhà nước phân bổ cho việc thực hiện hoạt động REDD+. REDD+ đòi hỏi sự phối hợp giữa các ngành, nên không được phân loại như một dòng ngân sách riêng trong ngân sách nhà nước và có thể được tài trợ thông qua các chương trình khác nhau (bao gồm chương trình giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, chương trình tăng trưởng xanh, chương trình NDC, Chiến lược Biến đổi Khí hậu Quốc gia và Chương trình Bảo vệ và Phát triển rừng). Vì vậy, rất khó để đưa ra một con số toàn diện về ngân sách của nhà nước cho REDD+. Tương tự như vậy, không có thỏa thuận liên ngành về dòng ngân sách nhà nước có thể phân loại là ngân sách liên quan đến REDD+, dẫn đến khó khăn cho các nhà hoạch định chính sách khi phân biệt nguồn thu – chi liên quan đến REDD+.

Sự tham gia của khu vực tư nhân và tài chính tư nhân cho REDD+ ở Việt Nam cũng hạn chế, mặc dù đóng góp ban đầu là 0.46 triệu USD trong giai đoạn 2009-2014 để thực hiện REDD+. Tài chính tư nhân cho REDD+ tại Việt Nam chủ yếu có nguồn gốc từ các doanh nghiệp quốc tế; có sự tham gia rất hạn chế từ các doanh nghiệp trong nước. Phạm và cộng sự (2012) lập luận rằng quyền sở hữu không rõ ràng, thiếu khuôn khổ pháp lý về quyền các-bon và thiếu sự khuyến khích cho các công ty trong nước tham gia vào REDD+, đã cản trở doanh nghiệp tư nhân Việt Nam đầu tư vào REDD+. Nghiên cứu ban đầu về các công ty quốc tế tài trợ cho REDD+ ở Việt Nam, như Sumitomo Forestry, ASKUL và Yanmar, đã chỉ rõ về sự thiếu hụt tài trợ tư nhân cho REDD+ ở Việt Nam (Le và các cộng sự, 2016).



Hình 1. Nguồn kinh phí của Quỹ REDD+ Việt Nam (Bộ NN&PTNT 2018)

2017-2020

Theo UN-REDD (2018), tổng ngân sách cần thiết để thực hiện Chương trình REDD+ Quốc gia từ năm 2017 đến năm 2020 là 10,942 tỷ đồng. Nguồn kinh phí này dự kiến sẽ đến từ các khoản đóng góp ngân sách nhà nước, tín dụng, ODA, nguồn thu từ Chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES) và các nguồn khác. Các nguồn tài trợ từ đầu tư công và tư nhân cho chương trình REDD+ quốc gia được thể hiện khá rõ trong cơ cấu thiết kế của quỹ REDD+ Việt Nam, dự định để tăng nguồn đóng góp dựa trên kết quả, bao gồm đóng góp tự nguyện, tài trợ, và đầu tư từ các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài (Hình 1).

Sau năm 2020

Các nguồn tài trợ tiềm năng cho REDD+ sau năm 2020 bao gồm các quỹ toàn cầu như GEF, Quỹ khí hậu xanh, Chương trình đầu tư rừng và Quỹ BioCarbon, cũng như nguồn thu bổ sung dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) từ việc mở rộng dịch vụ và đối tượng sử dụng DVMTR. Mặc dù chính phủ đã xác định các nguồn tài trợ khác nhau, việc tiếp cận nguồn vốn này yêu cầu Chính phủ Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu của nhà tài trợ cũng như năng lực của cơ quan chính phủ để quản lý các quỹ này.

Nguồn tài trợ cho REDD+ được sử dụng như thế nào

Sự đóng góp và tiềm năng của REDD+ để tài trợ cho ngành lâm nghiệp và hỗ trợ thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp của Việt Nam không chỉ phụ thuộc vào REDD+ có thể tạo ra bao nhiêu, mà còn sử dụng nguồn vốn này như thế nào. Theo UN-REDD+ và Bộ NN&PTNT (2018), hạn chế chính của khung pháp lý REDD+ của Việt Nam là thiếu các

ưu tiên REDD+ được xác định rõ ràng; vẫn chưa rõ các hoạt động REDD+ cần được ưu tiên và những hoạt động này nên được thực hiện như thế nào.

Trong việc thiếu hệ thống chi trả REDD+, kinh phí REDD+ trước tiên được sử dụng để hỗ trợ các hoạt động sẵn sàng thực thi REDD+ như nâng cao năng lực, ít đầu tư vào bảo vệ và phát triển rừng thực sự. Các hoạt động nâng cao năng lực bao gồm kết nối và tăng cường sự gắn kết giữa các bên liên quan; tăng cường thể chế; nghiên cứu và phân tích pháp luật và chính sách; và cải thiện hệ thống Đo lường, Báo cáo và Xác minh (MRV) để xây dựng các đường phát thải tham chiếu rừng/đường tham chiếu rừng (FRELs/FRLs). Các hoạt động liên quan đến tăng cường thể chế, cải thiện sử dụng đất và quản lý rừng đã được ưu tiên (chiếm khoảng 56% tổng tài chính cam kết) (Silva-Chávez và cộng sự. 2015; Le và cộng sự. 2015). Các hoạt động tham gia của các bên liên quan, MRV, mức độ phát thải tham chiếu, nghiên cứu pháp luật và phân tích chính sách đã nhận được 7-13% số tiền cam kết. Số tiền còn lại được dành cho các hoạt động khác, bao gồm thiết kế các dự án các-bon lâm nghiệp và nghiên cứu về quyền sử dụng đất. Cũng như vậy, trong khi nguồn tài chính REDD+ chủ yếu là cho Việt Nam, thì các cơ quan thực hiện đa phương và các tổ chức chính phủ quốc tế lại thu được nhiều nhất từ nguồn này (lần lượt là 39.4 triệu USD và 24.1 triệu USD), theo sau đó là chính phủ Việt Nam (15.3 triệu USD). Các tổ chức phi chính phủ Việt Nam và các học viện được hưởng ít lợi ích nhất từ quỹ REDD+.

Năm 2017, Quỹ REDD+ đã đề ra rõ ràng cách thức sử dụng nguồn vốn REDD+ tại Việt Nam (Hộp 1). Chỉ rõ kinh phí cần thiết cho mỗi hoạt động và đối tượng tài trợ những chi phí cần thiết cho chính phủ để xác định nguồn vốn thiếu hụt cho REDD+.

Ngoài ra, việc sử dụng kinh phí REDD+ cho các hoạt động sẵn sàng thực thi cũng cho thấy một số hạn chế.

- i. Phân tích của Nguyễn và Đặng (2013) và Pistorius (2015) cho thấy rằng kinh phí REDD+ được tài trợ cho các tổ chức khác nhau để phát triển độc lập các hoạt động cụ thể cần thiết cho REDD+. Tuy nhiên, các hoạt động khác nhau này không được phối hợp tốt bởi văn phòng REDD+ Việt Nam và các hoạt động không phải lúc nào cũng dựa trên những ưu tiên quốc gia.
- ii. Tài trợ REDD+ cho đến nay chỉ dành cho xây dựng năng lực ở cấp quốc gia, ít đầu tư xây dựng năng lực ở cấp tỉnh và địa phương cho tới gần đây, sự chuẩn bị cho các chương trình hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) đã tạo ra động lực (Pistorius 2015).
- iii. Thiếu sự phối hợp giữa các nhà tài trợ và các cơ quan chính phủ và các chính sách trong nước đã dẫn đến sự không đồng bộ trong các hoạt động liên quan đến REDD+ (Pistorius 2015, MARD 2018).

Tại Việt Nam, chính sách chi trả DVMTR ổn định và có thể cung cấp kinh phí đáng kể cho việc bảo vệ hơn 5 triệu ha rừng, đây là chiến lược cho các nhà hoạch định chính sách để quyết định cách sử dụng nguồn vốn REDD+ để thu được hiệu quả cao nhất và không chồng lấn với các hoạt động hiện có, do đó làm giảm tính bổ sung của REDD+.

Dữ liệu về tài chính REDD+ còn hạn chế và không đồng bộ tại Việt Nam

Hiện nay, có rất ít dữ liệu về tài chính REDD+ tại Việt Nam. Ngoài ra còn có sự khác biệt trong dữ liệu tài chính và thống kê REDD+, điều này đặt ra một thách thức lớn khi cố gắng tổng hợp dữ liệu toàn diện và chính xác. Dữ liệu được thu thập ở các quy mô khác nhau (hoạt động REDD, dự án và chương trình quốc gia), vào các thời điểm khác nhau, từ các nguồn dữ liệu khác nhau, tùy thuộc vào giai đoạn và loại tài chính, sử dụng các định nghĩa và thuật ngữ khác nhau khi hạch toán cho hoạt động và chi tiêu REDD+.

Hộp 1. Hoạt động đầu tư của Quỹ REDD+ tại Việt Nam

1. Hoạt động và quản lý Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia (NRAP).
2. Hỗ trợ chỉnh sửa, bổ sung, cung cấp và phát triển các chính sách và phát triển năng lực, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các hoạt động REDD+ và các chương trình quốc gia góp phần giảm phát thải.
3. Hỗ trợ các viện nghiên cứu và tổ chức có uy tín để tiến hành nghiên cứu về giảm thiểu và hấp thụ phát thải khí nhà kính bằng cách hạn chế mất rừng và suy thoái rừng.
4. Cải thiện trữ lượng các-bon rừng và quản lý bền vững tài nguyên rừng.
5. Hỗ trợ chỉnh sửa, bổ sung, tái cơ cấu và thực hiện NRAP và Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP).
6. Thực hiện kế hoạch chia sẻ lợi ích từ việc áp dụng Chương trình Giảm phát thải (ER-P), được chấp thuận bởi một bên thứ ba được Chính phủ Việt Nam công nhận.

Nguồn: MARD 2018

Báo cáo của của tổ chức Forest Trend tiến hành vào năm 2012 và sau đó được lập lại vào năm 2014 (Silva-Chávez và đồng nghiệp. 2015), là nguồn cung cấp dữ liệu duy nhất về tài chính REDD+. Phân tích trong đó đã cho thấy những số liệu được công bố này có một số hạn chế:

- i. Thiếu dữ liệu về đầu tư thực tế của khu vực tư nhân và đánh giá thấp đầu tư ngân sách nhà nước.
- ii. Nghiên cứu của Forest Trend tính toán đầu tư cho REDD+ thông qua các dự án đầu tư và hoạt động tài trợ khác nhau. Tuy nhiên, REDD+ thường chỉ là một phần của các dự án này. Vì vậy, thực tế chỉ một phần tỷ lệ trong số liệu trích dẫn của Forest Trend là thực sự dành cho các hoạt động của REDD+.
- iii. Các định nghĩa rõ ràng về tài chính khí hậu và tài chính REDD+ chưa được Chính phủ Việt Nam xác định, do đó việc theo dõi và giám sát các luồng tài chính liên quan là rất khó khăn. Không có định nghĩa cụ thể về tài chính REDD+ hoặc cấu thành đầu tư. Điều này dẫn đến các câu hỏi như, có nên đầu tư vào các hoạt động đóng góp cho REDD+ mà không nhất thiết liên quan trực tiếp đến REDD+ (Henderson and Coello 2013)?
- iv. Giống như Forest Trend, VRO đang xây dựng cơ sở dữ liệu tài chính REDD+ cho Việt Nam, bằng cách yêu cầu các tổ chức phi chính phủ đã tài trợ cho các dự án REDD+ tự nguyện báo cáo về nguồn kinh phí REDD+ và các hoạt động giải ngân. Tuy nhiên, đây là vấn đề khá nhạy cảm khi tìm hiểu về số liệu “**Ai đánh giá tài chính REDD+? và Ai thực sự cởi mở về tài chính của REDD+?**” của Angelsen (2017) và Brockhaus và các cộng sự (2017). Đồng thời, không có cơ chế chính thức để theo dõi hoặc xác minh nguồn tài trợ REDD+ từ các dự án mới hoặc khu vực tư nhân.
- v. Các nghiên cứu hiện tại chỉ báo cáo về tổng các dòng tài chính thay vì số liệu ròng, do thiếu thông tin sẵn có công khai về các điều khoản chính xác của các nguồn tài trợ nào có sẵn. Khi nguồn tài chính cho biến đổi khí hậu hoặc REDD+ được hỗ trợ như một khoản vay, ví dụ, việc không đủ dữ liệu về các điều khoản của khoản vay đã cản trở việc theo dõi chính xác tổng kinh phí đã được chuyển (Watson and Caravani 2012). Điều này đặt ra nguy cơ rằng số tiền tài trợ REDD+ thực sự nhận được của Việt Nam không được tính toán và báo cáo thực sự chính xác.
- vi. Mệnh giá tiền tệ cũng là một thách thức khi báo cáo tài chính REDD+ tại Việt Nam. Biến động tỷ giá hối đoái tạo ra sự khó khăn trong theo dõi tài chính biến đổi khí hậu và REDD+, vì giá trị của một khoản tài trợ có thể đã thay đổi theo thời gian với giá trị thực tế được gửi vào quỹ.
- vii. Có thể có nguy cơ khi các khoản đóng góp tài chính REDD+ đã được tính lập lại nhiều lần. Rủi ro này đặc biệt cao khi tài trợ được gửi tới một quỹ đa phương đến từ một quỹ song phương. Tương tự, một rủi ro khác có thể gặp là một khoản tài chính cho biến đổi khí hậu được thống kê lại nhiều hơn một lần. Trong một số trường hợp, nhiều sáng kiến tài chính về biến đổi khí hậu có thể hỗ trợ cho cùng một dự án.

Để giải quyết những thách thức trên, **cần có hệ thống theo dõi và giám sát tài chính REDD+ quốc gia**. Hệ thống giám sát này cần có sự hỗ trợ tài chính ổn định và lâu dài để thông tin tài chính có thể được phân loại, xác định nguồn gốc, kiểm tra và báo cáo theo một phương thức đồng nhất.

Kết luận

REDD+ có tiềm năng rất lớn trong việc đóng góp và hỗ trợ thực hiện chiến lược phát triển ngành lâm nghiệp ở Việt Nam. Tuy nhiên, tiềm năng này có được thực hiện hay không phụ thuộc vào kết quả thực hiện REDD+. Cũng như, việc giảm các nguồn tài chính và cam kết tài trợ cho REDD+, các thách thức trong việc đáp ứng các yêu cầu của nhà tài trợ và yêu cầu tài chính đáng kể để thực hiện chương trình REDD+ quốc gia, hệ quả là, trong thực tế, đóng góp tài chính của REDD+ cho ngành lâm nghiệp vẫn còn hạn chế. Mặc dù chính phủ đã xác định các nguồn tài trợ đến từ khu vực công và tư nhân để tài trợ cho các giai đoạn khác nhau của REDD+, các khu vực công quốc tế vẫn là nhà tài trợ chính, sự đóng góp từ khu vực tư nhân và ngân sách nhà nước vẫn còn hạn chế. Cho đến nay, tài trợ của REDD+ được giải ngân thiếu sự liên kết và bị phân tán do thiếu rõ ràng về những ưu tiên của REDD+ ở Việt Nam.

Thông tin hạn chế và dữ liệu không chính xác về tài chính REDD+, các định nghĩa không rõ ràng về tài chính REDD+ và tài chính khí hậu, thiếu hệ thống theo dõi tài chính REDD+ quốc gia, các hạn chế về năng lực kỹ thuật trong giám sát tài chính REDD+ của các cơ quan chính phủ và các tổ chức xã hội dân sự (CSOs) đã làm hạn chế hiệu quả của thực thi chương trình REDD+. Phối hợp tốt hơn giữa các ngành và giữa các nhà tài trợ và các cơ quan chính phủ; nâng cao năng lực trong việc theo dõi và quản lý tài chính quỹ REDD+; và đáp ứng các yêu cầu của nhà tài trợ (ví dụ như cải thiện chính sách, thực hiện chính sách REDD+ hiệu quả), trong việc tiếp cận đến chi trả dựa trên kết quả sẽ tăng cường tiềm năng đóng góp tài chính của REDD+ cho ngành lâm nghiệp Việt Nam.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này là một hợp phần về nghiên cứu so sánh toàn cầu của CIFOR về REDD+ (www.cifor.org/gcs). Các đối tác tài trợ đã hỗ trợ nghiên cứu này bao gồm Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy (NORAD), Liên minh Châu Âu (EU), Sáng kiến Khí hậu Quốc tế (IKI) của Bộ Môi trường, Bảo tồn Thiên nhiên, Xây dựng và An toàn Hạt nhân của Đức (BMUB) và Chương trình nghiên cứu CGIAR về rừng, cây và nông lâm kết hợp (CRP-FTA) với sự hỗ trợ tài chính từ các nhà tài trợ quỹ CGIAR.

Tài liệu tham khảo

- Angelsen A. 2017. REDD+ as result-based aid: General lessons and bilateral agreements of Norway. *Review of Development Economics* 21(2):237-264.
- Bộ NN&PTNT [Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn]. 2018. *Báo cáo về việc thành lập quỹ REDD+ tại Việt Nam*. Hanoi: MARD.
- Bộ NN&PTNT [Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn]. 2017. *Báo cáo thực hiện kế hoạch FPD năm 2016-2020; đánh giá bốn năm thực hiện dự án kiểm kê và rà soát rừng quốc gia ngày 20 tháng 7 năm 2017*. Hanoi: MARD.
- Bộ NN&PTNT [Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn]. 2016. *Participatory self-assessment of the REDD+ readiness package in Vietnam*. Hanoi: MARD.
- Brockhaus M, Korhonen-Kurki K, Sehring J, Di Gregorio M, Assembe-Mvondo S, Babon A, Bekele M, Gebara MF, Khatri DB, Kambire H et al. 2017. REDD+, transformational change and the promise of performance-based payments: A qualitative comparative analysis. *Climate Policy* 17(6):708-730.
- Henderson I and Coello J 2013. *REDD+ finance: What do we know about the private sector contribution?* Climate Funds Update. Accessed 12 May 2018: <https://climatefundsupdate.org/2013/08/15/redd-finance-what-do-we-know-about-the-private-sector-contribution/>
- Le ND, Pham TT and Dao TLC. 2016. *REDD+ policy network in Vietnam in 2011-2016*. Bogor, Indonesia: Center for International Forestry Research (CIFOR)
- Le VC, Dang VQ, Truong TD. 2015. *REDD+ funding and REDD+ related projects in Vietnam during 2009-2014*. Hanoi: MARD
- Lee D and Pistorius T. 2015. *The impacts of international REDD+ finance*. Accessed 6 May 2018: <http://www.unique-forst.de/images/publications/vereinheitlicht/ImpactsofInternationalREDDFinance.pdf>
- Nguyen, TXH and Dang VQ. 2013. *Vietnam: Mapping REDD+ finance flows 2009-2012*. Forest Trends. Accessed 13 June 2018: <https://www.forest-trends.org/publications/vietnam-mapping-redd-finance-flows-2009-2012/>
- Pham TT, Moeliono M, Nguyen TH, Nguyen HT and Vu TH. 2012. *The context of REDD+ in Vietnam: Drivers, agents and institutions*. Bogor, Indonesia: Center for International Forestry Research (CIFOR).
- Pistorius T. 2015. *The impacts of international REDD+ finance: Vietnam case study*. Accessed 16 May 2018: http://www.unique-landuse.de/images/publications/vereinheitlicht/Impacts_of_International_REDD_Finance_Case_Study_Vietnam.pdf
- Priambodo C, Streiferdt V, Tänzler D and Semmling E. 2013. *Status of climate finance in Vietnam – country assessment report*. GIZ, Castelrock and Adelphi. Accessed 10 June 2018: https://cdkn.org/wp-content/uploads/2012/05/VIETNAM-Country-Report_3Dec2013.pdf
- Silva-Chávez G, Schaap B and Breitfeller J. 2015. *REDD+ finance flows 2009-2014: Trends and lessons learned in REDD+ countries*. Washington DC: Forest Trends.
- UN-REDD. 2018. *NRAP mid-term implementation plan 2017-2020 and resource mobilization framework*. Hanoi: UN-REDD.
- UN-REDD. 2010. *Design of a REDD compliant benefit distribution system for Viet Nam*. Hanoi: UN-REDD. Accessed 18 April 2018: <http://tinyurl.com/un-redd-compliant-benefit>.
- Watson C, Nakhooda S and Caravani A. 2012. *The practical challenges of monitoring climate finance: Insights from Climate Funds Update*. London: Overseas Development Institute.



RESEARCH PROGRAM ON
Forests, Trees and
Agroforestry

Chương trình nghiên cứu của CGIAR về Rừng, Cây gỗ và Nông lâm kết hợp (FTA) là chương trình phát triển nghiên cứu lớn nhất thế giới nhằm nâng cao vai trò của rừng, cây gỗ và nông lâm kết hợp với mục tiêu phát triển bền vững và đảm bảo lương thực để ứng phó với biến đổi khí hậu. CIFOR chủ trì các nghiên cứu FTA trong mối quan hệ đối tác chiến lược với Bioersivity International, CATIE, CIRAD, INBAR, ICRAF và TBI.

Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi Quỹ đối tác CGIAR: cigar.org/funders/



Norad



Federal Ministry for the
Environment, Nature Conservation
and Nuclear Safety

cifor.org

forestsnews.cifor.org



Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)

CIFOR thúc đẩy sự phồn vinh của nhân loại, cải thiện bảo vệ môi trường và thúc đẩy sự bình đẳng thông qua tiến hành các nghiên cứu sáng tạo, nâng cao năng lực của các bên đối tác, tích cực tham gia đối thoại với các bên liên quan để hỗ trợ định hình chính sách và thực tiễn tác động tới rừng và con người. CIFOR là tổ chức nghiên cứu thuộc liên minh CGIAR và chủ trì các chương trình nghiên cứu của CGIAR về Rừng, Cây gỗ và Nông lâm kết hợp (FTA). Trụ sở chính của CIFOR đặt tại Bogor, Indonesia và các văn phòng của CIFOR có mặt tại Nairobi, Kenya; Yaounde, Cameroon và Lima, Peru.

